

your again? Has His unfailing love vanished forever? Has He in anger withheld His compassion”?

\_\_\_\_\_

7. Ở đâu chép, “Ở trên trời tôi có ai trừ ra Chúa? Còn dưới đất tôi chẳng ước ao người nào khác hơn Chúa”?

Where is it written, “Whom have I in heaven but You? And earth has nothing I desire beside You”?

\_\_\_\_\_

8. Liệt kê 7 tai vạ Chúa hành hạ dân Êđiptô được ghi lại trong Thi thiên 78?

List 7 plagues God punished the Egyptians as recorded in Psalm 78?

\_\_\_\_\_

9. Ở đâu chép, “Hỡi Đức Chúa Trời, chúng tôi cảm tạ Chúa; chúng tôi cảm tạ vì danh Chúa ở gần?”

Where is it written, “We give thanks to You, O God, we give thanks, for Your Name is near”?

\_\_\_\_\_

10. Hai thi thiên nào là bài ca thương than khóc về đền thờ bị dân ngoại làm cho ô uế?

Which two psalms are sad songs about the temple being defiled by the foreigner?

\_\_\_\_\_

11. Hạng người nào có “miệng thì nói hành thiên thượng, còn lưỡi lại phao vu thế gian”?

What kind of persons has “their mouths lay claim to heaven, and their tongues take possession of the earth?”

\_\_\_\_\_

12. Ở đâu chép, “Chính mình Chúa thật là đáng sợ, cơn giận Chúa vừa nổi lên ai đứng nổi trước mặt Chúa”?

Where is it written, “You alone to be feared, who can stand before You when You are angry?”?

\_\_\_\_\_

**Câu gốc tuần trước:**

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

## HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH JOURNEY THROUGH THE BIBLE

#55 (16.06.2019)

*Thi Thiên 63-72 (Psalm 63-72)*

**Họ-Tên:** \_\_\_\_\_

1. Ở đâu chép, “linh hồn tôi đeo theo Chúa; tay hữu Chúa nâng đỡ tôi”?

Where is it written, “my soul clings to You; Your right hand upholds me”?

\_\_\_\_\_

2. Đavít ví sánh số phận “kẻ ác bị diệt trước mặt Đức Giêhôva” giống như gì?

What did David use to compare the fate of “the wicked perish before God”?

\_\_\_\_\_

3. Vua Đavít có cái gì “nhiều hơn số tóc trên đầu” của ông?

What does David have that “outnumber the hairs of [his] head”?

\_\_\_\_\_

4. Ở đâu chép, “nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi”?

Where is it written, “if I cherished sin in my heart, the LORD would not have listened”?

\_\_\_\_\_

5. Số xe của Đức Chúa Trời là mấy?

How many chariots does God have?

\_\_\_\_\_

6. Ở đâu chép, “Nguyện hết thấy người nào tìm cầu Chúa, được mừng rỡ vui vẻ nơi Chúa; Nguyện những kẻ yêu mến sự cứu rỗi của Chúa, hằng nói rằng:

“Đáng tôn Đức Chúa Trời oai nghi thay!”?

Where is it written, “May all who seek You rejoice and be glad in You; May those who love Your salvation always say, “Let God be exalted!”?”

\_\_\_\_\_

7. Hạng người nào “mài lưỡi mình như thanh gươm”?

What kind of person “sharpen their tongues like swords”?

\_\_\_\_\_

8. Ở đâu chép, “Đáng ngợi khen Giêhôva Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Ysơraên, chỉ một mình Ngài làm những sự lạ lùng”?

Where is it written, “Praise be to the LORD God, the God of Israel, who alone does marvelous deeds”?

\_\_\_\_\_

09. Thi thiên nào Davít làm khi lưu lạc trong rừng vắng Giuđa?

Which psalm did David write when he was in the desert of Judah?

\_\_\_\_\_

10. Ở đâu chép, “Phước thay cho người mà Chúa đã chọn và khiến đến gần đặng ở nơi hành lang Chúa”?

Where is it written, “Blessed are those You choose and bring near to live in Your courts!”?

\_\_\_\_\_

11. Ở đâu chép, “Đáng ngợi khen Đức Chúa Trời, vì Ngài chẳng bỏ lời cầu nguyện tôi, cũng không rút sự nhân từ Ngài khỏi tôi”?

Where is it written, “Praise be to God, who has not rejected my prayer or withheld His love from me”?

\_\_\_\_\_

12. Ai nói, “Đáng ngợi khen Giêhôva Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Ysơraên, Chỉ một mình Ngài làm những sự lạ lùng”?

Who has said, “Blessed be the LORD God the God of Israel, who only doeth wondrous things”?

\_\_\_\_\_

**Câu gốc tuần trước:**

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

**HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH  
JOURNEY THROUGH THE BIBLE**

#56 (23.06.2019)

Thi Thiên 72-83 (Psalms 72-83)

**Họ-Tên:** \_\_\_\_\_

1. Ở đâu chép, “Hỡi Đức Chúa Trời, hãy chỗi dậy, đoán xét thế gian; vì Chúa sẽ được muôn dân làm cơ nghiệp”?

Where is it written, “Rise up, O God, judge the earth, for all the nations are your inheritance”?

\_\_\_\_\_

2. Các câu thi thiên nào tương tự như Xuất Êđiptôký 20:2-3?

Which verses are similar to Exodus 20:2-3

\_\_\_\_\_

3. Thi thiên nào ghi lại 3 lần câu, “Làm cho mặt Chúa sáng chói, thì chúng tôi sẽ được cứu”?

Which psalm record 3 times the phrase, “Make Your face shine upon us, that we may be saved”?

\_\_\_\_\_

4. Ở đâu chép, “Còn chúng tôi là dân sự Chúa, và là bầy chiên của đồng cỏ Chúa, chúng tôi sẽ cảm tạ Chúa mãi mãi, từ đời này qua đời kia chúng tôi sẽ truyền ra sự ngợi khen Chúa”?

Where is it written, “Then we Your people, the sheep of Your pasture, will praise You forever; from generation to generation we will recount Your praise”?

\_\_\_\_\_

5. Thi thiên nào tóm lược lịch sử Do Thái từ đời Giacóp đến đời Davít?

Which psalm gives a short history of the Jewish people from Jacob to David?

\_\_\_\_\_

6. Ở đâu chép, “Chúa há sẽ từ bỏ đến đời đời ư? Ngài há chẳng còn ban ơn nữa sao? Sự nhân từ Ngài há dứt đến mãi mãi ư? Lời hứa của Ngài há không thành đời đời sao? Đức Chúa Trời há quên làm ơn sao? Trong cơn giận Ngài há có khép lòng thương xót ư”?

Where is it written, “Will the LORD reject forever? Will he never show His fa-